TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 15 /2026/HNGĐ- ST
Ngày: 11- 02- 2026
V/v: *Tranh chấp ly hôn, con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- BẮC NINH
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Sỹ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 120/2025/TLST- HNGĐ ngày 21/01/2025 về " *Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST/HNGĐ ngày 29/01/2026 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Đ, sinh ngày 22/10/1989; số CCCD: 038189035450 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

***-Bị đơn*:** Anh Lê Đình B, sinh ngày 10/4/1984; số CCCD: 0343176084; nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường N, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Bùi Thị Đ trình bày:

Chị và anh B kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là phường N). Sau khi kết hôn chị về gia dình nhà chồng làm dâu ngay, ở chung với gia đình nhà chồng. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Bằng K chịu làm ăn mà chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình.

Việc anh B như vậy, nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh Bằng K sửa chữa mà còn xúc phạm chị và bố mẹ. Khoảng năm 2016, chị làm đơn xin ly hôn nhưng vì anh B hứa thay đổi nên chị không nộp đơn ly hôn. Nhiều lần anh B chửi và đuổi chị nhưng vì thương con nên chị chịu đựng ở lại nuôi con. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 6 năm 2025, nguyên nhân là do anh Bằng không chịu làm ăn mà chơi bời, không có trách nhiệm với vợ con, anh B thường xuyên xúc phạm chị, vợ chồng không còn hạnh phúc, không quan tâm đến nhau. Nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh Bằng K thay đổi. Chị không chịu được nên bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng. Sự việc như vậy hai gia đình không hòa giải.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 12/5/2011, hiện đang ở với anh B; cháu Lê Thị Phương N, sinh ngày 12/6/2017, hiện đang ở với chị.

Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị nuôi cháu N, để anh B nuôi cháu Hoàng A; về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Đình B là bị đơn: Tòa án giao các văn bản tố tụng, anh Bằng K chấp hành, anh B từ bỏ quyền của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ được ly hôn anh Lê Đình B.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Hồng N1, sinh ngày 12/6/2017 cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cho anh Lê Đình B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng A, sinh ngày 12/5/2011; về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; Chị Đ và anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Chị Đ đã nộp đủ.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Chị Bùi Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh giải quyết tranh chấp ly hôn, con chung. Anh Lê Đình B là bị đơn nơi cư trú tại: Tổ dân phố S, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Chị Bùi Thị Đ là nguyên đơn, anh Lê Đình B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, anh B vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1989 và anh Lê Đình B, sinh năm 1984 kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là phường N) là phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Bằng K chịu làm ăn mà chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình. Việc anh B như vậy, chị Đ nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Bằng không sửa chữa mà còn xúc phạm chị Đ và bố mẹ. Khoảng năm 2016 chị Đ làm đơn xin ly hôn nhưng vì anh B hứa thay đổi nên chị Đ không nộp đơn ly hôn. Nhiều lần anh B chửi và đuổi chị Đ nhưng vì thương con nên chị Đ chịu đựng ở lại nuôi con. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 6 năm 2025, nguyên nhân là do anh Bằng không chịu làm ăn mà chơi bời, không có trách nhiệm với vợ con, anh B thường xuyên xúc phạm chị Đ, vợ chồng không còn hạnh phúc, không quan tâm đến nhau. Nhiều lần chị Đ khuyên bảo nhưng anh Bằng K thay đổi. Chị Đ không chịu được nên bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng. Sự việc như vậy hai gia đình không hòa giải.

Tòa án giao các văn bản tố tụng và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt, chứng tỏ anh Bằng K mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị Đ, anh B mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn, là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 12/5/2011 hiện đang ở với anh B; cháu Lê Thị Phương N, sinh ngày 12/6/2017 hiện đang ở với chị Đ. Xét yêu cầu của chị Đ về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Hiện cháu Lê Hoàng A do anh B nuôi dưỡng, cháu Lê Thị Phương N do

chị Đ nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường. Nguyện vọng của con chung Lê Hoàng A xin ở với bố, nguyện vọng của con chung Lê Thị Phương N xin ở với mẹ, để ổn định cuộc sống của con chung. Căn cứ các Điều 81,82,83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Đ được ly hôn anh Lê Đình B.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Phương N, sinh ngày 12/6/2017; giao cho anh Lê Đình B trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 12/5/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Bùi Thị Đ và anh Lê Đình B có quyền thăm nom con chung, vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp* : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002112 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Chị Đ đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp phường Nếnh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hương